ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /2015/QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 11 tháng 6 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

SỞ TƯ PHÁP TỈNH SÓC TRĂNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số...../.....
Ngày...../...../20...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, cụ thể theo 22 phụ lục đính kèm.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu phí, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua đò, phà (thuộc địa phương quản lý) đối với đò, phà ngang trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

c) Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

d) Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

đ) Quyết định số 45/2012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

e) Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

g) Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

h) Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

i) Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

k) Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

l) Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

m) Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

n) Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định về mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng lệ phí cấp biển số nhà trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

o) Quyết định số 11/2012/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

p) Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định tỷ lệ (%) thu lệ phí trước bạ với mức thu lần đầu đối với các loại xe ôtô của các tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ khi chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Giao Cục thuế tỉnh phối hợp Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: HC, TH, VX, XD, KT, NC, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Trần Thành Nghiệp